

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 04/2025/HC-PT
Ngày: 18/11/2025
V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành
chính”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiệu

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Dung

Ông Lê Ngọc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLPT-HC ngày 07/10/2025 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính”; do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXPT-HC ngày 20/10/2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trương Công T, sinh năm 1959; có mặt.

Địa chỉ: Khu phố C, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Khắc H; sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2024; có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố L, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Khu phố Lê Hoàn, xã Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã N: Ông Lê Công T1
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1951; vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố C, xã N, tỉnh Thanh Hóa

Người kháng cáo: Ông Lại Thế H1 - là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án ông Trương Công T và người đại diện theo uỷ quyền của ông T trình bày:*

Gia đình ông Trương Công T là chủ sử dụng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 26, bản đồ địa chính xã N (nay là xã N), diện tích 1.416,6m², đây là diện tích được thể hiện trên hồ sơ địa chính, nguồn gốc đất là do bố mẹ ông T để lại. Năm 2009, gia đình ông T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, nhưng cơ quan có thẩm quyền không cấp hết diện tích đất cho gia đình ông T, cụ thể là phần diện tích đất mà gia đình ông T đã đổi đất với thôn C không được cấp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Gia đình ông T được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CK 126037, số vào sổ cấp GCN: CH03745 do Ủy ban nhân dân huyện N cũ cấp ngày 22/6/2017 mang tên Trương Công T và Phạm Thị T2 với diện tích được cấp là 1.211,6m². Năm 2006, gia đình ông T và tập thể thôn C có thỏa thuận thống nhất với nhau về việc đổi một phần đất để tiến hành xây dựng trường mầm non theo đó thôn C sẽ cắt cho gia đình ông T phần đất phía giáp mặt đường thôn của thửa đất nhà văn hóa chuyển sang cho gia đình ông T với chiều rộng mặt đường thôn là khoảng 1,5m và gia đình ông T cũng cắt cho thôn C chiều rộng khoảng 1,5m phía sau thửa đất của gia đình ông T để thôn C mở rộng phía sau để xây dựng trường mầm non. Việc đổi đất giữa gia đình ông T và tập thể thôn C được lập thành biên bản bàn giao và nhận đất lập ngày 15/4/2006 với sự tham gia giữa ông Trương Công T và các thành viên hội đồng giám sát và tập thể thôn. Đến ngày 16/4/2006, thì giữa gia đình ông T và tập thể thôn C tiếp tục lập bản cam kết về việc chuyển đổi đất và xây dựng trường Mầm non. Sau khi các bên đổi đất cho nhau thì gia đình ông T đã tiến hành xây dựng tường bao kiên cố và sử dụng ổn định về mốc giới kể từ thời điểm năm 2006 cho đến nay và không hề có phát sinh tranh chấp với tập thể thôn về mốc giới sử dụng đất. Cũng trong năm 2006 gia đình ông T đã thống nhất thỏa thuận chuyển nhượng cho gia đình ông Phạm Văn K là người cùng thôn với diện tích chuyển nhượng cho gia đình ông K là 165m² trong đó có chiều rộng mặt đường liên thôn là 09m và chiều sâu là hết đất, việc chuyển nhượng giữa các bên được lập thành biên bản bàn giao và nhận đất. Đầu

năm 2023 khi ông T làm thủ tục đề nghị tách thửa thì Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N và Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là Ủy ban nhân dân xã N) đã tiến hành kiểm tra hiện trạng, sau khi kiểm tra hiện trạng thì Ủy ban nhân dân xã N có thông báo là gia đình ông T đang sử dụng chồng lấn lên thửa đất của nhà văn hóa khu phố C tại thửa số 62 tờ bản đồ số 26 (đo vẽ năm 2005) phần diện tích chồng lấn là 134,8m², lúc này ông T mới phát hiện ra trước đó vào năm 2005 khi nhà nước tiến hành đo vẽ bản đồ thì đã đo vẽ một phần đất của gia đình ông vào thửa đất của nhà văn hóa thôn C nay là khu phố C, tại thời điểm đo vẽ bản thân ông không được tham gia chứng kiến và không được biết, cũng không ký giáp ranh, đồng thời vào thời điểm này ông T mới biết bị cấp thiếu đất, cụ thể tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 26, gia đình ông đang sử dụng với diện tích là 1.416,6m² nhưng khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ được cấp 1.211,6m², phần đất thiếu là phần ông đã đổi với thôn C. Sau khi ông Trương Công T có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã N xác định ranh giới, kiểm tra hiện trạng để ông đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân xã N đã ban hành công văn số 372/UBND-ĐC ngày 22/6/2023 với nội dung: “Phần diện tích tăng thêm của ông đang sử dụng chưa có điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và có mục đích cho trụ sở cơ quan (đất xây dựng nhà văn hóa khu phố C), Ủy ban nhân dân xã N không xác nhận phần diện tích tăng thêm đối với phần chồng lấn lên thửa đất số 62, tờ bản đồ số 26 (nhà văn hóa khu phố C) và yêu cầu ông trả lại phần đất của nhà văn hóa khu phố C mà ông đang sử dụng. Không đồng ý với việc trả lời của Ủy ban nhân dân xã N nên ông đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N. Ngày 07/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 137/QĐ-UBND với nội dung: “Ủy ban nhân dân xã N yêu cầu gia đình ông Trương Công T trả lại diện tích 134,8m² đất cho nhà văn hóa khu phố C là đúng, nội dung khiếu nại của ông T là không có cơ sở”. Việc Ủy ban nhân dân xã N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N ban hành các văn bản trên là không đúng thực tế sử dụng đất của các bên, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T.

Ông Trương Công T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy toàn bộ Công văn số 372/UBND-ĐC ngày 22/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã N về việc “Trả lời đơn đề nghị của ông Trương Công T, khu phố C, xã N” và hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 137/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Công T.

** Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện (ông Phạm Văn Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N cũ) trình bày:*

Phần diện tích 134,8m² ông T sử dụng chồng lấn lên diện tích đất nhà văn hóa khu phố C có nguồn gốc năm 1985 thôn C, xã N cũ. Từ năm 2000, ông T có quán bán hàng tạp hoá tại gốc cây mít; năm 2009 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; năm 2017, ông chuyển nhượng một phần thửa đất và được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần còn lại sau khi trừ đi diện tích đã

chuyển nhượng. Năm 2014, Ủy ban nhân dân xã N (nay là Ủy ban nhân dân xã N) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 615785; số vào sổ cấp GCN CT02199 tại thửa đất số 62, tờ bản đồ địa chính số 26; diện tích là 1.030,7m², trong đó có 134,8m² mà gia đình ông T đang lấn chiếm. Ông T đã xây tường bao, phía trong trồng cây hàng năm, cây lâu năm trên diện tích lấn chiếm. Bản đồ địa chính đo đạc năm 2005 được phê duyệt, phần diện tích ông T được cấp không có phần đất 134,8m², phần đất này thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ địa chính số 26. Năm 2006, trường mầm non xã N có đổi đất với ông T, ông T nhường cho thôn 1,5m phía sau góc nhà mầm non, thôn trả lại cho ông 1,5m phía giáp đường quốc phòng. Do không đo đạc, chỉ ánh chừng nên không có diện tích cụ thể. Sau đó, ông T xây dựng tường rào giữa nhà ông và nhà văn hoá, sử dụng từ đó đến nay. Ông T khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Công văn số 372/UBND-ĐC ngày 22/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã N về việc “Trả lời đơn đề nghị của ông Trương Công T, khu phố C, xã N” và hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 137/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Công T của ông T là không có cơ sở.

* Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10), Thanh Hóa đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 26 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 126037; số vào sổ cấp GCN CH03745, ngày cấp 22/6/2017 cho ông Trương Công T và bà Phạm Thị T2, hiện trạng có diện tích là 1.267,8m² và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ địa chính số 26; đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 615785; số vào sổ cấp GCN CT02199, ngày cấp 25/02/2014 cho Ủy ban nhân dân xã N (nay là Ủy ban nhân dân xã N), hiện trạng có diện tích là 884,5m². Theo hiện trạng sử dụng, phần đất hộ ông Trương Công T sử dụng lấn lên phần đất của Ủy ban nhân dân xã N là 140,5m² và Ủy ban nhân dân xã N đang lấn đất của hộ ông Trương Công T là 0,8m².

* Tại Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30; 31; 115; 116; 157; 158; 159; 193; 204; 206; 358 và 359 Luật tổ tụng hành chính, sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 2 Điều 7; khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 23; các Điều 166, 167, 168, 169, 170 và 173 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 70 và 71 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019; Điều 15 Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh T; Điều 17 và 31 Luật Khiếu nại 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: 1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy toàn bộ Công văn số 372/UBND-ĐC ngày 22/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã N về việc “Trả lời đơn đề nghị của ông Trương Công T, khu phố C, xã N” và hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 137/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Công T.

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí, chi phí thẩm định, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 29/7/2025, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Lê Khắc H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa; với lý do:

- Năm 2017, ông Trương Công T3 đã lập hợp đồng chuyển nhượng một phần diện tích đất của gia đình ông cho anh Phạm Văn D, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Phạm Văn D vào tham gia Tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót và vi phạm về mặt Tố tụng.

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ là hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ số BR 615785 ngày 25/02/2014 mà UBND tỉnh T đã cấp cho UBND xã N đối với thửa đất số 62 tờ bản đồ số 26; chưa thu thập hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ của ông T năm 2009.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa khu phố Cao P vào tham gia Tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót và vi phạm nghiêm trọng về mặt tố tụng.

- Trên phần diện tích đất mà Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hiện nay gia đình ông Trương Công T đang sử dụng là đất đã được cấp cho UBND xã N nay là xã N có cả phần tài sản trên đất mà gia đình ông Trương Công T đã xây dựng trước đó và trồng các loại cây lâu năm trước đó nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết đối với các loại tài sản này là giải quyết chưa triệt để điều này sẽ dẫn đến việc bản án sơ thẩm sẽ không thể thi hành được.

* Ngày 11/11/2025 người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Lại Thế H1 nộp đơn thay đổi nội dung kháng cáo từ đề nghị hủy sang sửa Bản án hành chính số 01/2025/HC-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Trương Công T.

* Tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo như đơn đề ngày 11/11/2025. Ông T thống nhất đã ủy quyền cho ông H1 thực hiện toàn bộ quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông theo Luật Tố tụng hành

chính, bao gồm cả quyền kháng cáo, sửa đổi bổ sung nội dung kháng cáo, mọi quyết định của ông H1 là quyết định của ông T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo.

** Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành việc triệu tập và có mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Ngày 29/7/2025, người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Công T là ông Lê Khắc H ký đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa. Tuy nhiên, tại hợp đồng ủy quyền ngày 19/6/2024, không có nội dung ông T ủy quyền cho ông H có quyền kháng cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã không kiểm tra đơn kháng cáo, không căn cứ vào khoản 3 Điều 207 Luật Tố tụng hành chính để yêu cầu người kháng cáo làm lại đơn kháng cáo hoặc trả lại đơn do người kháng cáo không có quyền kháng cáo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 207 Luật Tố tụng hành chính, mà vẫn xác định ông H kháng cáo, thuộc trường hợp ông T được miễn tiền nộp án phí là vi phạm nghiêm trọng thủ tục hành chính quy định tại Điều 204 và Điều 205 Luật Tố tụng hành chính.

- Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập Giấy CNQSDĐ của UBND xã N để đánh giá hiện trạng có việc chồng lấn giữa Giấy CNQSDĐ của xã N và Giấy CNQSDĐ của ông T hay không, do đó chưa giải quyết triệt để việc hiện trạng đất chồng lấn giữa 2 bên.

- Về bản chất việc ông T đòi đất là thỏa thuận dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Luật Đất đai 2003, nhưng khi nhận đơn khiếu kiện thì UBND thị trấn N lại ban hành quyết định giải quyết là chưa chính xác trong giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Hai thửa đất 61, 62 đều đã được cấp Giấy CNQSDĐ và được quản lý của cơ quan có thẩm quyền (Phòng TN-MT UBND huyện N cũ), do đó việc đòi lại đất không thuộc thẩm quyền của UBND thị trấn N cũ, lúc này thẩm quyền giải quyết phải là UBND huyện N cũ mới chính xác, đúng quy định tại khoản 3 Điều 204 Luật đất đai và Điều 13 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Khiếu nại.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc xác định người có quyền kháng cáo, nội dung kháng cáo cũng như cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện giải quyết nội dung khiếu kiện không triệt

để, giải quyết khiếu nại không đúng thẩm quyền, thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên và các bên đương sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng.

Ông Trương Công T khởi kiện đối với Văn bản số 372/UBND-ĐC ngày 22/6/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N về việc trả lời đơn đề nghị của ông Trương Công T và Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Công T. Đây là Quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền trong quản lý đất đai, có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Ngày 19/01/2024, ông T nộp đơn khởi kiện; Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10), Thanh Hóa thụ lý giải quyết là còn thời hiệu khởi kiện và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính;

Xét về quyền kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền: Điều 204 Luật Tổ tụng hành chính quy định “Đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm”. Hợp đồng ủy quyền ngày 19/6/2024 tại Phòng Công chứng số II tỉnh T, ông Trương Công T đã ủy quyền cho ông Lê Khắc H, nội dung ủy quyền quy định tại Điều 1, ông T ủy quyền cho ông H thay mặt và nhân danh ông T thực hiện công việc sau: Nộp tiền tạm ứng án phí, các loại phí, nhận lại tiền tạm ứng án phí (nếu có), tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án hành chính số 01/2024/TLST-HC về khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị trấn N.

Mặc dù nội dung ủy quyền tại Điều 1 của hợp đồng không liệt kê quyền kháng cáo, nhưng phần cuối của nội dung ủy quyền đã xác định ông Lê Khắc H được thực hiện tất cả các quyền, nghĩa vụ của người khởi kiện theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T xác định lại một lần nữa là ông ủy quyền cho ông H thực hiện toàn bộ quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính theo quy định pháp luật, bao gồm cả quyền kháng cáo, thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo và thống nhất toàn bộ nội dung kháng cáo ông H đã trình bày tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Lại Thế H1 có quyền kháng cáo Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa và đơn kháng cáo làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 204, 205 và khoản 1

Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 61 và 62 tờ bản đồ số 26 laapk năm 2005.

[2.1] Đối với thửa đất số 61 tờ bản đồ số 26.

Thửa đất số 61 tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã N lập năm 2005 (nay là xã N) diện tích 1.416,6m². Ngày 29/10/2009, ông Trương Công T đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 094524, số vào sổ cấp GCNQSD đất: H 00810, tại thửa đất số 61, tờ bản đồ địa chính số 26; diện tích là 1.416,6m²; địa chỉ thửa đất: Khu phố C, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 12/6/2017, ông Trương Công T và bà Phạm Thị T2 lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phạm Văn D, bà Lê Thị T4 205m² tại thửa đất số 61, tờ bản đồ địa chính số 26. Ngày 22/6/2017 UBND huyện N đã cấp Giấy CNQSD đất số CK 126037, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 26; diện tích là 1.211,6m² cho ông T và T2 (sau khi trừ đi diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông D và T4).

[2.2] Đối với thửa đất số 62 tờ bản đồ số 26.

Thửa đất số 62 tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã N (nay là xã N) diện tích 1.030,7m². Ngày 25/02/2014 UBND huyện N đã cấp Giấy CNQSD đất số BR 615785; số vào sổ cấp GCN CT02199, tại thửa đất số 62, tờ bản đồ địa chính số 26; diện tích là 1.030,7m² cho UBND xã N (nay là xã N).

Thửa đất trên được sử dụng để làm nhà văn hóa thôn C (nay là khu phố C, xã N).

[3] Xét nội dung kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công T.

[3.1] Trình tự, thẩm quyền và nội dung Văn bản số 372/UBND-ĐC ngày 22/6/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N về việc “Trả lời đơn đề nghị của ông Trương Công T, khu phố C, xã N”.

Sau khi nhận đơn của ông Trương Công T đề nghị xác định ranh giới, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, hướng dẫn gia đình ông làm thủ tục xin cấp lại Giấy CNQSD đất (cấp bổ sung diện tích đất chưa được cấp). Ngày 22/4/2024, UBND thị trấn N đã phối hợp với Chi nhánh văn phòng Đ kiểm tra hiện trạng thửa đất số 61 của ông T; kết quả ông T đang sử dụng chồng lấn 134,8m² lên thửa đất số 62 tờ bản đồ số 26 của nhà văn hóa khu phố C.

Ngày 22/6/2023 UBND thị trấn N ban hành văn bản số 372/UBND-ĐC trả lời ông Trương Công T, với nội dung: Xác định phần diện tích đất tăng thêm của ông đang sử dụng chưa có điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và đây là đất xây dựng nhà văn hóa khu phố C. UBND thị trấn N không xác nhận phần diện tích

đất tăng thêm đối với phần chồng lấn lên thửa 62 tờ bản đồ số 26 để ông T làm thủ tục cấp bổ sung đất là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 22, Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

Tuy nhiên, văn bản số 372/UBND-ĐC ngày 22/6/2023 nêu trên của UBND thị trấn N còn yêu cầu ông Trương Công T trả lại phần đất (134,8m²) của nhà văn hóa khu phố C mà ông đang sử dụng là vượt quá nội dung yêu cầu của ông T và vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 “Tranh chấp đất đai mà đương sự có Giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết”.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần nội dung kháng cáo, hủy một phần văn bản số 372/UBND-ĐC ngày 22/6/2023 của UBND thị trấn N, cụ thể hủy nội dung “yêu cầu ông trả lại phần đất của nhà văn hóa khu phố C mà ông đang sử dụng”.

[3.2] Trình tự, thẩm quyền và nội dung Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Công T.

Ông T không đồng ý với nội dung “yêu cầu ông trả lại phần đất của nhà văn hóa khu phố C mà ông đang sử dụng” nêu trong văn bản số 372/UBND-ĐC ngày 22/6/2023, nên ông đã làm đơn khiếu nại. Ngày 07/8/2024, Chủ tịch UBND thị trấn N ban hành Quyết định số 137/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Công T, kết luận: “Ủy ban nhân dân thị trấn N yêu cầu gia đình ông Trương Công T trả lại diện tích 134,8m² đất cho nhà văn hóa khu C là đúng, nội dung khiếu nại của ông T là không có cơ sở” và xác định đây là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Hội đồng xét xử thấy rằng, theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp. Trong nội dung đơn khiếu nại của ông T liên quan hai thửa đất 61 và 62 tờ bản đồ số 26 đều đã được cấp Giấy CNQSD đất, nên thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N cũ.

Vì vậy, Chủ tịch UBND thị trấn N ban hành Quyết định số 137/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Công T là không đúng thẩm quyền. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo, hủy Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của Chủ tịch UBND thị trấn N Lặc.

[4] Đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính là quyết định hành chính, hành vi hành chính; Tòa án chỉ đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện, không giải quyết tranh chấp hai thửa đất số 61, 62 tờ

bản đồ số 26 có chồng lấn hay không, vì vậy không cần thiết phải thu thập Giấy CNQSDĐ hay hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 62 tờ bản đồ số 26 mà UBND xã N cũ (sau này là UBND thị trấn N) đã được cấp.

Ông Trương Công T nộp đơn đề nghị UBND thị trấn N xác định ranh giới, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, hướng dẫn gia đình ông làm thủ tục xin cấp lại Giấy CNQSDĐ đất (cấp bổ sung diện tích đất chưa được cấp); ông T không đòi đất hay tranh chấp quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại là không phù hợp.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Trương Công T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015:

2. Xử: Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Công T; sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa:

* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trương Công T.

- Hủy một phần văn bản số 372/UBND-ĐC ngày 22/6/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N về việc “Trả lời đơn đề nghị của ông Trương Công T, khu phố C, xã N”, cụ thể hủy phần “yêu cầu ông trả lại phần đất của nhà văn hóa khu phố C mà ông đang sử dụng”.

- Hủy Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Công T.

* Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần văn bản số 372/UBND-ĐC ngày 22/6/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N về việc “Trả lời đơn đề nghị của ông Trương Công T, khu phố C, xã N”, cụ thể phần: “UBND thị trấn N không xác nhận phần diện tích đất tăng thêm đối với phần chồng lấn lên thửa 62 tờ bản đồ số 26”.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trương Công T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

4. Nội dung không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND, VKSND khu vực 10;
- Đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hiệu